

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-KDTM ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam (viết tắt là Ngân hàng)**; địa chỉ: Tháp B 35 H, quận H, Tp. H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lâm Quốc V, là người đứng đầu Ngân hàng TMCP Đ V N – Chi nhánh N. Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Hữu Th - chức vụ: Phó giám đốc PGD Tp. P – Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh G L. (Theo quyết định uỷ quyền tham gia tố tụng số 296/QĐ-BIDV.NGL ngày 13/3/2019 của Ngân hàng Đ)

- *Bị đơn*: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: thôn Đ, xã I G, huyện ChPr, tỉnh G L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản Nợ và phương thức trả nợ:

Về khoản nợ: bà Nguyễn Thị H thống nhất có nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính đến ngày 03/9/2020 là) 432.698.083đ (Bốn trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 03/9/2020 là 2.232.698.083đ (Hai tỷ hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

- **Về phương thức trả nợ:** Bà Nguyễn Thị H cam kết thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh N, phòng giao dịch Tp. P toàn bộ số tiền trả số tiền gốc là 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) cùng với lãi suất tính đến ngày 03/9/2020 là) 432.698.083đ (Bốn trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng). Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 03/9/2020 là 2.232.698.083đ (Hai tỷ hai trăm ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng).

Thời hạn Thanh toán: từ ngày 03/9/2020 đến ngày 30/11/2020.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp Bà Nguyễn Thị H không trả được nợ, ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị H nhất trí giao tài sản để cho Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý những tài sản mà bà Hồng và ông Nghĩa thế chấp để thu hồi nợ, theo các hợp đồng thế chấp như sau:

Hợp đồng thế chấp số 01/2017/9614975/HĐBĐ ngày 10/4/2017 được công chứng tại văn phòng công chứng Phù Đồng giữa ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 105; tờ bản đồ số 20 tại xã I G; huyện ChPr, tỉnh G L. Diện tích 1.910 m² trong đó có 100m² đất ở và 1.800m² đất trồng cây lâu năm, Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 840228 do UBND huyện Ch Pr, tỉnh G L cấp ngày 28/7/2008.

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 113f; tờ bản đồ số 20 tại xã IG; huyện ChPr, tỉnh Gia Lai. Diện tích 250 m², Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 434032 do UBND huyện ChPr, tỉnh G L cấp ngày 08/3/2013.

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 23; tờ bản đồ số 81 tại xã I P; huyện Ch Pr, tỉnh G L. Diện tích 34.260 m² đất trồng cây lâu năm, Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 066324 do UBND huyện Ch Pr, tỉnh Gia Lai cấp ngày 14/11/20106.

Hợp đồng thế chấp số 02/2017/9614975/HĐBĐ ngày 12/4/2017 được công chứng tại văn phòng công chứng P giữa ông Đỗ Văn N và bà Nguyễn Thị H và Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 71; tờ bản đồ số 20 tại xã I G; huyện ChPr, tỉnh G L. Diện tích 9.600 m²

đất trồng cây lâu năm, Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 434690 do UBND huyện Ch Pr, tỉnh G L cấp ngày 16/12/2013.

Ngân hàng TMCP Đ– chi nhánh N – Phòng giao dịch thành phố P trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp sau khi Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn N đã thanh toán tất cả các khoản nợ trên

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: án phí là 38.326.980 (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 38.326.980 (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh N, phòng giao dịch thành phố P số tiền tạm ứng án phí trước đây đã nộp là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000228 ngày 11/4/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Về chi phí Tố tụng: Bà Nguyễn Thị H thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh N, phòng giao dịch thành phố P, số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Ngô Trung Thực